

Số: 425/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 178/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị **Phạm Thị Hoàng Y** - sinh năm 1979; Căn cước công dân số 022179003886 cấp ngày 02/8/2022; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: **P chung cư A, số B ngõ H, phố H, phường K, Thành phố Hà Nội.**

+ Anh **Vũ Đình L** - sinh năm 1976; Căn cước công dân số 027076000101 cấp ngày 02/8/2022; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: **P chung cư A, số B ngõ H, phố H, phường K, Thành phố Hà Nội.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Phạm Thị Hoàng Y** và anh **Vũ Đình L** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B (nay là Ủy ban nhân dân phường V), tỉnh Bắc Ninh. Chị Y, anh L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Y, anh L xác nhận vợ chồng có 04 con chung là: **Vũ Đình Quang M** (nam), sinh ngày 30/8/2005; **Vũ Đình K** (nam), sinh ngày 19/10/2007, **Vũ Đình Minh T** (nam), sinh ngày 25/8/2011 và **Vũ Đình Minh T1** (nam), sinh ngày 21/6/2014. Ly hôn, anh chị tự nguyện thỏa thuận: cháu **Vũ Đình Quang M** và **Vũ Đình K** đã thành niên, việc ở với bố hoặc mẹ do các cháu tự quyết định; cháu **Vũ Đình Minh T** do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **Vũ Đình Minh T1** do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Y, anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị **Y**, anh **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị **Y**, anh **L** tự nguyện thỏa thuận để chị **Y** nộp cả tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, chị **Y**, anh **L** không yêu cầu Toà án giải quyết việc gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị Hoàng Y** và anh **Vũ Đình L**.

- Về con chung: Chị **Y**, anh **L** xác nhận vợ chồng có 04 con chung là: **Vũ Đình Quang M** (nam), sinh ngày 30/8/2005; **Vũ Đình K** (nam), sinh ngày 19/10/2007, **Vũ Đình Minh T** (nam), sinh ngày 25/8/2011 và **Vũ Đình Minh T1** (nam), sinh ngày 21/6/2014. Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh chị như sau: cháu **Vũ Đình Quang M** và **Vũ Đình K** đã thành niên, việc ở với bố hoặc mẹ do các cháu tự quyết định; cháu **Vũ Đình Minh T** do anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **Vũ Đình Minh T1** do chị **Y** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **Y**, anh **L** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Y**, anh **L** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị **Y**, anh **L** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ: Chị **Y**, anh **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị **Y**, anh **L** để chị **Y** nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003428 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN



VŨ LỆ QUYÊN

